

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ
II NĂM 2018**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT
ĐỨC GIANG LÀO CAI**

MỤC LỤC

	Trang
1 . Mục lục	1/1/1900
2 . Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3 . Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	4 - 7
4 . Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II năm 2018	8
5 . Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II năm 2018	9 - 10
6 . Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II năm 2018	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG LÀO CAI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty CP Hóa chất Đức Giang Lào Cai (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính quý II của Công ty mẹ và các công ty con

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hóa chất Đức Giang - Lào Cai là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5300299830 ngày 13 tháng 11 năm 2012 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư 04 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ nhất ngày 13 tháng 5 năm 2011 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 2 ngày 13 tháng 11 năm 2012 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 3 ngày 30 tháng 12 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 4 ngày 24 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai,
Điện thoại : 0202 247 811
Fax : 0203 867 214
E-mail : phopho4@vnn.vn
Mã số thuế : 5 3 0 0 2 9 9 8 3 0

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng cao su, sơn, chất dẻo, phân bón, sắt, thép, kim loại màu;
- Sản xuất, buôn bán máy móc thiết bị điện, các linh kiện của chúng, vật liệu điện, dụng cụ cơ khí;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng, các chất chứa bitum, các loại sáp khoáng chất;
- Cho thuê nhà xưởng, kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khai thác không chứa sắt.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đào Hữu Huyền	Chủ tịch	22 tháng 03 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014
Ông Ninh Ngọc Cừ	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	22 tháng 03 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

(Dạng đầy đủ)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,494,665,175,324	1,285,030,597,209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120,756,813,434	151,495,550,205
1. Tiền	111		14,206,397,767	5,137,638,189
2. Các khoản tương đương tiền	112		106,550,415,667	146,357,912,016
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		93,100,000,000	49,600,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	93,100,000,000	49,600,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		549,315,066,393	568,303,046,051
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	515,796,456,211	538,050,291,242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	26,690,051,510	27,572,680,602
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	3,203,891,556	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	3,624,667,116	2,680,074,207
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		661,999,486,366	470,107,943,852
1. Hàng tồn kho	141	V.7	661,999,486,366	470,107,943,852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		69,493,809,131	45,524,057,101
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2,516,796,525	608,638,848
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		65,744,546,713	44,529,992,391
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	1,232,465,893	385,425,862
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Lương, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý II (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,032,720,903,903	2,044,578,290,974
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1,886,885,476,506	1,970,052,952,049
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1,772,590,821,992	1,854,294,735,443
<i>Nguyên giá</i>	222		2,575,959,428,185	2,560,642,542,682
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(803,368,606,193)	(706,347,807,239)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	114,294,654,514	115,758,216,606
<i>Nguyên giá</i>	228		128,280,311,819	128,280,311,819
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13,985,657,305)	(12,522,095,213)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		18,572,900,182	18,092,277,123
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	18,572,900,182	18,092,277,123
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		71,439,667,800	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	71,439,667,800	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		55,822,859,415	56,433,061,802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	55,822,859,415	56,433,061,802
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,527,386,079,227	3,329,608,888,183

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý II (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,211,622,667,386	1,355,527,071,890
I. Nợ ngắn hạn	310		1,211,622,667,386	1,327,667,404,413
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	209,009,684,970	221,378,197,645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	13,288,245,431	14,636,059,491
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6,720,541,178	36,157,994,981
4. Phải trả người lao động	314		31,707,138,144	43,896,239,300
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	15,834,888,770	16,067,094,236
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	4,286,573,591	200,997,275,795
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	846,360,224,632	714,241,615,749
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	84,415,370,670	80,292,927,216
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	27,859,667,477
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23	-	27,859,667,477
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý II (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,315,763,411,841	1,974,081,816,293
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2,315,763,411,841	1,974,081,816,293
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		997,854,630,000	997,854,630,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		997,854,630,000	997,854,630,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,206,513,995,000	1,206,513,995,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		(761,774,236,229)	(761,774,236,229)
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,520,000)	(3,520,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		255,252,931,821	209,556,953,955
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		584,528,096,451	291,192,212,302
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		227,785,703,304	12,062,199,475
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		356,742,393,147	279,130,012,827
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		33,391,514,798	30,741,781,265
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,527,386,079,227	3,329,608,888,183

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu



Phạm Thị Bích

Kế toán trưởng



Phạm Thị Bích

Giám đốc



Hò Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1,418,097,579,649	846,116,441,702	2,704,932,176,402	1,599,107,659,880
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		456,199,234		554,551,740	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,417,641,380,415	846,116,441,702	2,704,377,624,662	1,599,107,659,880
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,125,845,141,139	763,599,937,944	2,177,367,501,300	1,460,909,764,744
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		291,796,239,276	82,516,503,758	527,010,123,362	138,197,895,136
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6,997,519,067	3,747,400,203	12,687,103,325	9,647,437,393
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	14,656,197,941	3,407,702,054	22,096,115,363	5,878,758,170
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		5,601,311,557	1,705,420,660	10,669,818,992	3,005,251,665
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kế	24					
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.5	66,974,666,102	36,743,170,185	125,187,616,439	63,622,576,204
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15,954,104,510	3,182,175,958	29,079,824,583	6,975,344,457
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		201,208,789,790	42,930,855,764	363,333,670,302	71,368,653,698
12.	Thu nhập khác	31		257,120,563	462,995,918	371,925,765	1,261,667,106
13.	Chi phí khác	32	VI.7	133,178,666	899,284,308	334,596,976	1,416,018,159
14.	Lợi nhuận khác	40		123,941,897	(436,288,390)	37,328,789	(154,351,053)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		201,332,731,687	42,494,567,374	363,370,999,091	71,214,302,645
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1,775,592,181	3,123,375,055	3,978,872,443	4,155,381,570
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		199,557,139,506	39,371,192,319	359,392,126,648	67,058,921,075
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	61		1,609,129,616		2,649,733,533	
18.2	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		197,948,009,890		356,742,393,115	
19.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,984	849	3,375	1,365
20.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1,984	849	3,375	1,365



Lập ngày 19 tháng 7 năm 2018

Kế toán trưởng

[Signature]

Người lập biểu

[Signature]

Phạm Thị Bích

Phạm Thị Bích

Hồ Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Báo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ II

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Đơn vị tính: VND)

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		363,370,999,091	71,214,302,645
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		96,891,180,106	25,726,943,300
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	V1.4	5,473,981,724	554,315,626
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V1.3	(4,483,329,163)	(4,856,177,878)
- Chi phí lãi vay	06	V1.4	10,669,818,992	3,005,251,665
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		471,922,650,750	95,644,635,358
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2,984,845,191	(156,423,741,333)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(191,891,542,514)	19,318,405,662
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(22,099,956,442)	145,137,954,564
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,297,955,290)	3,592,376,459
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10,452,341,241)	(3,065,851,116)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(33,613,175,445)	(11,857,413,199)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(11,994,906,738)	(2,059,609,717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		203,557,618,271	90,286,756,678
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(15,797,508,562)	(27,132,335,433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2,100,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(46,702,000,000)	(100,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1,891,556	24,630,139,667
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(71,439,667,800)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,481,437,607	3,284,408,601
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(129,455,847,199)	2,782,212,835

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ quý II (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	1,360,448,794,282	515,140,107,637
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(1,265,796,399,968)	(581,582,586,205)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(199,492,970,400)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(104,840,576,086)</i>	<i>(66,442,478,568)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(30,738,805,014)</i>	<i>26,626,490,945</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>151,495,550,205</i>	<i>166,254,163,523</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		68,243	234,801
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>120,756,813,434</i>	<i>192,880,889,269</i>

Người lập biểu

Phạm Thị Bích

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích

Lập ngày 09 tháng 7 năm 2018

Giám đốc



Hồ Mạnh Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất
3. Ngành nghề kinh doanh :
Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, buôn bán nguyên vật liệu và các mặt hàng hóa chất.

4. Cấu trúc Công ty

Các công ty con hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ	Lô CN5.3K, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Thành phố Hải Phòng.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	70.00%	70.0%	70.0%

5. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 Công ty có 1.394 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.257 nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu của năm trước không so sánh được với năm nay do từ ngày 30/10/2017 Công ty sát nhập hai công ty liên doanh liên kết là Công ty CP Hóa chất Phân Bón Lào Cai và Công ty CP Hóa chất Bảo Thắng. Do sát nhập làm tỷ lệ sở hữu Công ty CP Hóa chất Đình Vũ thay đổi từ 30% lên 70% trở thành Công ty Mẹ của Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ. Báo cáo hợp nhất quý I là báo cáo hợp nhất năm đầu tiên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch Hà Nội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Sở giao dịch (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Lương, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chỉ phí tài chính.

4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	2 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3

8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (47 năm).

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tàng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	379,938,010	375.693,811
Tiền gửi ngân hàng	13,826,459,757	4,761,944,378
Các khoản tương đương tiền	106,550,415,667	146,357,912,016
Cộng	<u>120,756,813,434</u>	<u>151,495,550,205</u>

2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn chỉ là đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	93,100,000,000		93,100,000,000	49,600,000,000		49,600,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	93,100,000,000		93,100,000,000	49,600,000,000		49,600,000,000
Cộng	<u>93,100,000,000</u>		<u>93,100,000,000</u>	<u>49,600,000,000</u>		<u>49,600,000,000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loỏng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

3 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>10,471,174,551</i>	<i>50,168,686,104</i>
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	10,471,174,551	49,703,360,535
Công ty TNHH Văn Minh		465,325,569
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>505,325,281,660</i>	<i>487,881,605,138</i>
Khách mua Phốt pho vàng	216,291,454,859	125,250,171,165
Khách mua phân bón, DCP, MAP...	90,366,034,361	71,730,998,873
Khách mua H3PO4	76,465,802,098	5,195,996,580
Khách mua Axit	119,235,587,740	284,981,086,918
Các đối tượng khác	2,966,402,602	723,351,602
Cộng	515,796,456,211	538,050,291,242

4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>		
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>26,690,051,510</i>	<i>27,572,680,602</i>
Ban quản lý dự án Giải phóng mặt bằng và Tái định cư Tăng Loỏng	4,103,948,410	4,103,948,410
Transmart DMCC		6,259,073,272
Viện năng lượng - Bộ công thương	2,085,000,000	2,085,000,000
NanNing Dejiang Trading Co., Ltd		8,353,034,004
Các nhà cung cấp khác	20,501,103,100	6,771,624,916
Cộng	26,690,051,510	27,572,680,602

5 Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3,624,667,116</i>		<i>2,680,074,207</i>	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1,877,185,419		926,969,404	
Lãi tiền gửi	1,740,636,697		1,747,494,803	
Tạm ứng	6,845,000		5,610,000	
Cộng	3,624,667,116		2,680,074,207	

6 Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	508,656,711,171		358,016,827,606	
Chi phí sản xuất KD dở dang			7,168,854,171	
Công cụ, dụng cụ	9,962,369		8,563,000	
Thành phẩm	153,332,812,826		104,913,699,075	
Cộng	661,999,486,366		470,107,943,852	

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Lương, huyện Bão Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

7 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	8,422,868,921	10,305,724,122
Chi phí công cụ, dụng cụ	11,521,992,344	9,397,293,300
Chi phí giải phóng mặt bằng	7,424,613,218	7,781,817,974
Chi phí trả trước tiền thuê đất KCN Đình Vũ	28,453,384,932	28,948,226,406
Cộng	55,822,859,415	56,433,061,802

8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1,422,545,450,457	1,075,016,474,368	61,823,201,170	1,257,416,687	2,560,642,542,682
Tăng do mua sắm		10,001,183,936			10,001,183,936
Tăng do XDCB hoàn thành	5,315,701,567				5,315,701,567
Giảm trong kỳ do nhượng bán					
Số cuối kỳ	1,422,545,450,457	1,085,017,658,304	61,823,201,170	1,257,416,687	2,575,959,428,185
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	284,982,350,851	399,630,185,290	20,821,993,756	913,277,342	706,347,807,239
Tăng do khấu hao trong kỳ	45,918,493,701	47,822,733,117	3,227,044,321	52,527,815	97,020,798,954
Giảm trong kỳ do nhượng bán					
Số cuối kỳ	330,900,844,552	447,452,918,407	24,049,038,077	965,805,157	803,368,606,193
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1,137,563,099,606	675,386,289,078	41,001,207,414	344,139,345	1,854,294,735,443
Số cuối kỳ	1,091,644,605,905	637,564,739,897	37,774,163,093	291,611,530	1,772,590,821,992

9 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	127,499,472,819	780,839,000	128,280,311,819
Tăng do sát nhập			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	127,499,472,819	780,839,000	128,280,311,819
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	12,177,822,958	344,272,255	12,522,095,213
Khấu hao trong kỳ	1,430,784,614	32,777,478	1,463,562,092
Số cuối kỳ	13,608,607,572	377,049,733	13,985,657,305

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCD trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	18,092,277,123	5,823,456,976	5,342,833,917	18,572,900,182
<i>Bồn phân ứng quỹ 2 Khu D</i>	<i>4,302,314,367</i>		<i>4,302,314,367</i>	
<i>DCP mở rộng</i>		<i>2,153,968,970</i>		<i>2,153,968,970</i>
<i>Dự án nhiệt điện</i>	<i>12,150,886,728</i>	<i>1,636,288,691</i>		<i>13,787,175,419</i>
<i>Công trình khác</i>	<i>1,639,076,028</i>	<i>1,631,066,965</i>	<i>638,387,200</i>	<i>2,631,755,793</i>
<i>Sửa chữa TSCD</i>		<i>402,132,350</i>	<i>402,132,350</i>	
Sửa chữa TSCD				
Cộng	18,092,277,123	5,823,456,976	5,342,833,917	18,572,900,182

11 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	26,976,359,869	
Công ty CP Hóa chất Đức Giang Đình Vũ		
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	22,982,663,910	
Công ty TNHH Văn Minh	3,993,695,959	
Phải trả nhà cung cấp khác	182,033,325,101	221,378,197,645
Hekou Yuyang Trade Company	6,791,669,975	6,952,569,408
HEKOU LONGTONG IMPORT&EXPORT CO., LTD	2,390,857,878	10,568,096,734
Công ty TNHH Một thành viên Apatit Việt Nam	42,113,060,091	66,217,401,997
Các nhà cung cấp khác	130,737,737,157	137,640,129,506
Cộng	209,009,684,970	221,378,197,645

12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên có liên quan		
Trả trước của các khách hàng khác	13,288,245,431	14,636,059,491
CÔNG TY CP LƯƠNG THỰC VTNN NGHỆ AN		11,550,000
K S INTERNATIONAL		5,896,704,947
Các khách hàng khác	13,288,245,431	8,727,804,544
Cộng	13,288,245,431	14,636,059,491

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tầng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Bù trừ thuế GTGT được hoàn	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	262.807,416		1.456.794,013	1.456,588,256		263,013,173	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		18.546,134	46,319,371,740	46,359,689,388			58.863.782
Thuế xuất, nhập khẩu		286,933,880	63,412,046,403	64,200,222,652			1.075.110.129
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33,613,175,445		3,978,872,443	33,613,175,445		3,978,872,443	
Thuế thu nhập cá nhân	2,300,558,254		8,388,277,181	8,210,179,873		2,478,655,562	
Các loại thuế khác		98,491,982	6,000,000	6,000,000			98,491,982
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác							
Cộng	36,176,541,115	403,971,996	123,561,361,780	153,845,855,614		6,720,541,178	1,232,465,893

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Supelân, Decalcium phốt phát: Không chịu thuế

Hàng xuất khẩu: 0%

Quặng bột: 5%

Các loại hóa chất khác: 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000099 ngày 14 tháng 07 năm 2008 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp, theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh với thuế suất thuế 10% trong 15 năm kể từ khi dự án sản xuất P4 đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (kể từ năm 2014).

Thu nhập từ dự án đầu tư dây chuyền sản xuất decalcium phốt phát, supelân theo giấy chứng nhận đầu tư số 12121000280 do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai cấp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 10/10/2014, được ưu đãi miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo quy định tại mục 6 điều 18 thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 về hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ dự án mở rộng lò phốt pho số 2 phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% từ khi phát sinh doanh thu đến năm 2014. Từ năm 2015 trở đi, căn cứ thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, thu nhập từ lò số 2 được áp dụng miễn thuế, giảm thuế cho dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) bằng thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn cho thời gian còn lại.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	363,370,999,091	71,214,302,645
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1,155,511,229	1,155,511,229
Thu nhập chịu thuế	364,526,510,320	72,369,813,874
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>73,187,543,204</i>	<i>15,373,058,066</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(36,258,733,725)</i>	<i>(6,546,189,597)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	<i>(32,949,937,036)</i>	<i>(4,671,486,899)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>3,978,872,443</i>	<i>4,155,381,570</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3,978,872,443	4,155,381,570

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>		
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>15,834,888,770</i>	<i>16,067,094,236</i>
Chi phí lãi vay phải trả	718,762,663	501,284,912
Tiền điện	15,116,126,107	15,565,809,324
Cộng	15,834,888,770	16,067,094,236

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

15 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên có liên quan</i>		83,981,054,000
Công ty CP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang - tiền cổ tức		83,981,054,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	4,286,573,591	117,016,221,795
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1,480,138,141	5,572,248
Kinh phí công đoàn	681,025,412	518,159,259
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	534,883,767	115,977,737,467
Phải trả, phải nộp khác	1,590,526,271	514,752,821
Cộng	4,286,573,591	200,997,275,795

16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>				
<i>Vay và nợ ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	846,360,224,632	846,360,224,632	714,241,615,749	714,241,615,749
Vay ngắn hạn ngân hàng	846,360,224,632	846,360,224,632	706,176,329,029	706,176,329,029
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch HN (i)	295,596,900,136	295,596,900,136	185,734,951,829	185,734,951,829
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (ii)	166,105,724,098	166,105,724,098	176,920,072,607	176,920,072,607
- Ngân hàng TMCP Quân đội - MBBank (iii)	32,325,094,500	32,325,094,500	7,577,916,525	7,577,916,525
- Ngân hàng TMCP ACB	58,253,609,950	58,253,609,950		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai (iv)	294,078,895,948	294,078,895,948	335,943,388,068	335,943,388,068
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>			8,065,286,720	8,065,286,720
Công ty CP Hóa chất Phân Bón Lào Cai			8,065,286,720	8,065,286,720
	846,360,224,632	846,360,224,632	714,241,615,749	714,241,615,749

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loong, huyện Bao Thang, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- ⁽ⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch theo hợp đồng cấp tín dụng số 150082/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 20/7/2015, hạn mức tối đa 175.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động và tài trợ thương mại cho đơn vị, lãi suất thay đổi theo thời điểm nhận nợ, khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc nhà máy hóa chất Đức Giang Lào Cai
- ⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC - Chi nhánh Hà Nội theo thư đề nghị cấp tiện ích sửa đổi số 1 được lập ngày 11/4/2016, hạn mức cho vay không vượt quá 10.000.000 USD hoặc VND tương đương, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh của Công ty. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất vay được quy định theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số VHN 150592/MR và hàng hóa trong kho theo hợp đồng thế chấp số VHN 150592/MS
- ⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 13317.16.737.1504006TD ngày 29/05/2016. Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 VND. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, mở LC và phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh phốt pho vàng, lãi suất quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển của đơn vị và toàn bộ hàng hóa hình thành trong tương lai từ phương án LC do Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam tài trợ
- ^(iv) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai theo hợp đồng tín dụng số 01/2016 - HĐTDHM/NHCT180 - DGLC ngày 11/11/2016. Hạn mức cho vay là 200.000.000.000 VND. mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Thời hạn vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng, lãi suất cho vay của khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng do CLTG cuối kỳ	Tăng khác do CLTG	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Giảm khác do CLTG	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	706,176,329,029	1,335,448,794,282	7,355,081,078	2,620,940,961	1,204,871,445,771	369,474,947	846,360,224,632
Vay ngắn hạn các tổ chức khác		25,000,000,000			25,000,000,000		
Vay ngắn hạn các cá nhân	8,065,286,720				8,065,286,720		
Cộng	714,241,615,749	1,360,448,794,282	7,355,081,078	2,620,940,961	1,237,936,732,491	369,474,947	846,360,224,632

17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng do sát nhập	Chi quỹ trong kỳ	Trích khấu hao	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	19,134,992,557	8,855,265,566		3,586,338,015		24,403,920,108
Quỹ phúc lợi	8,410,783,511	8,855,265,566		8,408,568,723		8,857,480,354
Quỹ phúc lợi hình thành TSCĐ	52,747,151,148				1,593,180,940	51,153,970,208
Cộng	80,292,927,216	17,710,531,132		11,994,906,738	1,593,180,940	84,415,370,670

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Lồng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18a. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	997,854,630,000	-	-	(3,520,000)	183,868,085,225	168,212,006,966		1,349,931,202,191
Tăng do sát nhập		1,206,513,995,000	(761,774,236,229)					444,739,758,771
Lợi nhuận trong năm trước		-	-			329,022,568,327	433,951,141	329,456,519,468
Trích lập các quỹ trong năm trước					25,688,868,730	(35,190,411,279)		(9,501,542,549)
Chia cổ tức năm trước						(199,570,222,000)		(199,570,222,000)
Tăng do hợp nhất						28,718,270,288	30,307,830,124	59,026,100,412
Số dư cuối năm trước	997,854,630,000	1,206,513,995,000	(761,774,236,229)	(3,520,000)	209,556,953,955	291,192,212,302	30,741,781,265	1,974,081,816,293
Số dư đầu năm nay	997,854,630,000	1,206,513,995,000	(761,774,236,229)	(3,520,000)	209,556,953,955	291,192,212,302	30,741,781,265	1,974,081,816,293
Trả cổ tức bằng cổ phiếu								
Trích lập các quỹ					45,695,977,866	(63,406,508,998)		(17,710,531,132)
Lợi nhuận trong năm nay						356,742,393,115	2,649,733,533	359,392,126,648
Chênh lệch do hợp nhất						32		32
Số dư cuối năm nay	997,854,630,000	1,206,513,995,000	(761,774,236,229)	(3,520,000)	255,252,931,821	584,528,096,451	33,391,514,798	2,315,763,411,841

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Lương, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

19b Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	99,785,463	99,785,463
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	99,785,463	99,785,463
- Cổ phiếu phổ thông	99,785,463	99,785,463
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352	352
- Cổ phiếu phổ thông	352	352
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99,785,111	99,785,111
- Cổ phiếu phổ thông	99,785,111	99,785,111
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a Tổng doanh thu**

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	2,691,545,049,419	972,206,080,509
Doanh thu bán quặng, than		1,365,098,360
Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	12,832,575,243	625,536,481,011
Cộng	2,704,377,624,662	1,599,107,659,880

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	65,612,582,497	2,322,300,000
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	6,561,246,250	232,230,000
Công ty TNHH Văn Minh		
<i>Bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	19,829,123,885	108,366,000
<i>Thuế GTGT đầu ra</i>	1,974,312,389	10,836,600

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	2,175,556,009,101	856,370,920,761
Giá vốn của quặng bột đã bán		1,315,773,475
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ khác	1,811,492,199	603,223,070,508
Cộng	2,177,367,501,300	1,460,909,764,744

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
3 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4,481,437,607	2,883,542,144
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13,049,589	11,115,329
Lãi tiền cho vay	1,891,556	1,630,320,804
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8,190,724,573	5,122,459,116
Cộng	12,687,103,325	9,647,437,393
4 Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	10,669,818,992	3,005,251,665
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5,473,981,724	554,315,626
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5,952,314,647	2,319,190,879
Cộng	22,096,115,363	5,878,758,170
5 Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	5,610,171,585	3,729,639,644
Chi phí khấu hao TSCĐ	141,231,816	107,672,185
Chi phí dịch vụ mua ngoài	109,523,459,045	54,388,044,013
Chi phí bằng tiền khác	9,912,753,993	5,397,220,362
Cộng	125,187,616,439	63,622,576,204
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	12,110,859,493	4,491,542,510
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,723,729,921	1,243,158,588
Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,428,522,275	
Chi phí bằng tiền khác	4,813,712,894	1,237,643,359
Cộng	29,079,824,583	6,975,344,457
7 Thu nhập khác		
Tiền ăn ca, tiền điện	371,925,765	1,261,667,106
Thu nhập từ nhượng bán TSCĐ		
Cộng	371,925,765	1,261,667,106
8 Chi phí khác		
Tiền ăn ca, tiền điện	334,596,976	1,416,018,159
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán		
Cộng	334,596,976	1,416,018,159

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	356,742,393,115	67,058,921,075
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	19,992,823,852	3,743,246,051
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	336,749,569,263	63,315,675,024
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	99,785,463	46,399,536
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,375	1,365

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	99,785,463	46,399,536
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 03 tháng 11 năm 2017		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	99,785,463	46,399,536

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loông, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1b *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hóa Chất Đức Giang Đình Vũ	Công ty liên con Giám đốc Công ty TNHH Văn Minh là vợ của Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Văn Minh	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang (DGC)</i>		
DGC chuyển trả tiền hàng	98,533,000,000	24,415,000,000
Chuyển trả tiền cổ tức cho DGC	83,981,054,000	
Mua hàng của DGC	98,554,920,968	1,613,304,873
Dịch vụ vận chuyển do DGC cung cấp	35,725,131,041	4,190,057,774
Thuế GTGT đầu vào	13,423,055,204	580,336,270
Chuyển trả tiền mua hàng cho DGC	113,981,807,360	3,735,261,948
<i>Công ty TNHH Văn Minh</i>		
Nhập mua vật tư, đồ thí nghiệm của Văn Minh	20,490,968,639	19,700,379,454
Thuế GTGT đầu vào	2,046,594,018	1,969,344,373
Chuyển trả tiền mua hàng cho Văn Minh	7,127,280,000	19,194,020,722

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2 **Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ, do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a **Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực ngoài nước

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tầng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Các khoản loại trừ	Cộng
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này				
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	583,043,988,941	2,121,333,635,721		2,704,377,624,662
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	583,043,988,941	2,121,333,635,721		2,704,377,624,662
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	124,236,791,452	402,773,331,910		527,010,123,362
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(154,267,441,022)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				372,742,682,340
Doanh thu hoạt động tài chính				12,687,103,325
Chi phí tài chính				(22,096,115,363)
Thu nhập khác				371,925,765
Chi phí khác				(331,596,976)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(3,978,872,443)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
Lợi nhuận sau thuế thu				359,392,126,648
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3,324,979,777	12,097,528,785		15,422,508,562
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21,232,506,211	77,251,854,835		98,484,361,046

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA CHẤT ĐỨC GIANG - LÀO CAI

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Tăng Loóng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2a Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: là hoạt động sản xuất phốt pho, decalcium phốt phát, supe lân, Silicat.
- Lĩnh vực thương mại: bán quặng bột apatit, lưu huỳnh, fero.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lĩnh vực sản xuất	2,691,545,049,419	972,206,080,509
Lĩnh vực thương mại	12,832,575,243	626,901,579,371
Cộng	2,704,377,624,662	1,599,107,659,880

Lập ngày 19 tháng 7 năm 2018

Người lập biểu

Phạm Thị Bích

Kế toán trưởng

Phạm Thị Bích



Giám đốc

Hồ Mạnh Linh